

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2025/HS-ST**
Ngày 08-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Văn Khánh (Thay thế ông Ngô Văn Lâm);
2. Bà Trịnh Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 5 – Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST- HS, ngày 16 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Ung Minh T; tên gọi khác: Không có, sinh ngày 17/12/2003, tại: tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Nội thất; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ung Minh C và bà Võ Thị T là con một trong gia đình; vợ, con: Chưa có.

* Tiền sự: Ngày 16/02/2023, Công an huyện Nghĩa Hành ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC về hành vi “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong ngày 09/3/2023.

* Tiền án: không.

Nhân thân:

- Ngày 06/4/2020: Công an huyện M ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0075/QĐ-XPHC về hành vi: “Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật,

phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”.

- Ngày 22/6/2020: Công an huyện M ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00166/QĐ-XPHC về hành vi: “Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác”.

- Ngày 20/4/2021: Tòa án nhân dân huyện M tuyên phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, xử phạt 08 tháng tù giam. Đến 24/9/2021, chấp hành xong án phạt tù, trở về địa phương.

- Ngày 24/11/2021, UBND xã H, huyện N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 79/QĐ-XPVPHC về hành vi “Tàng trữ, cất giấu trong người, đồ vật, phương tiện giao thông các loại dao, búa, các loại công cụ, phương tiện khác thường dùng trong lao động, sinh hoạt hàng ngày nhằm mục đích gây rối trật tự công cộng, cố ý gây thương tích cho người khác”.

- Ngày 22/3/2022, Chủ tịch UBND xã H, huyện N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 39/QĐ-XPVPHC về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/01/2025 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm: 1980. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1980. (Vắng mặt, có lý do).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

Người làm chứng:

1. Anh Đoàn Ngọc S, sinh năm: 1989. (Vắng mặt, có lý do).

Địa chỉ: Thôn H, xã N, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1966. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, Phường T, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Phạm Duy T, sinh năm: 1983. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Trần Thị K, sinh năm: 1985. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Chị Phạm Thị H, sinh năm: 2004. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã T, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 12/2023, ông Đoàn Ngọc S, là Cán bộ Công an huyện N tiếp nhận nguồn tin của bị cáo Ung Minh T về việc đối tượng Võ Thành D có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 19/12/2023, Công an huyện N triển khai Tổ công tác phát hiện, bắt quả tang Võ Thành D có hành vi mua bán trái phép chất ma túy; tiếp tục khám xét khẩn cấp nơi ở của Võ Thành D, phát hiện thêm một số đối tượng có liên quan đến hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có Nguyễn Thanh P và Trần Thị Mỹ T. Sau khi đưa các đối tượng về Công an huyện N làm việc, ông Đoàn Ngọc S chụp hình các đối tượng vi phạm gửi từ Facebook mang tên “S Đ” qua tài khoản Facebook mang tên “M T” cho bị cáo để kiểm tra, xác nhận có đúng các đối tượng mà bị cáo đã báo tin hay không thì phát hiện có Nguyễn Thanh P, Trần Thị Mỹ T là bạn của bị cáo.

Sau đó, trong tháng 12/2023 bị cáo Ung Minh T liên lạc với gia đình bà Nguyễn Thị T - mẹ kế của Trần Thị Mỹ T, trao đổi việc T bị Công an huyện Nghĩa Hành bắt về hành vi liên quan đến ma túy, nói sẽ giúp gia đình lo “chạy án” cho T để không bị bắt giam, các bên hẹn gặp tại nhà bà Tì. Tại nhà bà T (không nhớ rõ ngày) tại thôn Đ, xã H, huyện N (địa chỉ cũ), gồm có bà T, bà Trần Thị K, ông Phạm Duy T (dượng của Th), bị cáo T và Phạm Thị H (người yêu của bị cáo); bị cáo nói với gia đình bà T, nếu đưa cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng, bị cáo sẽ giúp T không bị bắt giam thì gia đình bà T đồng ý. Sau khi chuẩn bị xong số tiền 10.000.000 đồng (ông T là người cầm tiền) những người nêu trên điều khiển xe mô tô đến phía trụ sở cơ quan Công an huyện N; bà T và bà K vào trụ sở làm việc, còn bị cáo, chị H, ông T đứng tại công viên đối diện trụ sở Công an huyện N để chờ. Một lúc sau, ông T thấy bà T, bà K dẫn Trần Thị Mỹ T từ trụ sở Công an huyện ra ngoài rồi chở T về nhà nên ông T đưa cho bị cáo số tiền mặt 10.000.000 đồng rồi điều khiển xe đi về.

Vài ngày sau đó (không nhớ rõ ngày), bị cáo liên hệ với bà Nguyễn Thị Thúy P (mẹ ruột Nguyễn Thanh P), trao đổi thông tin sẽ giúp gia đình “chạy án” để P không bị bắt giam nếu đưa cho bị cáo số tiền 15.000.000 đồng, bà P đồng ý. Sau đó, bà P cùng với ông Nguyễn Thanh H (anh họ bà P) hẹn gặp bị cáo ở nhà bà Nguyễn Thị T tại thôn Đ, xã H, huyện N. Tại đây, có bị cáo, bà P, ông H và bà T; bà P đã đưa cho bị cáo số tiền 15.500.000 đồng, trong đó có 500.000 đồng bà P cho thêm bị cáo để lo “chạy án” cho P.

Tại Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo Ung Minh T khai nhận: Sau khi biết T, P là bạn của bị cáo thì Đoàn Ngọc S (cán bộ Công an huyện) có trao đổi với bị cáo về việc liên kết với gia đình của T, P để “chạy án”, giúp T, P không bị bắt giam. Khi nhận số tiền 10.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T và số tiền 15.500.000 đồng của bà Nguyễn Thị Thúy P, bị cáo đã 02 lần đưa toàn bộ số tiền nêu trên cho ông S để nhờ ông S giải quyết nhưng bị cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh. Qua làm việc, ông S không thừa nhận hành vi trao đổi, thỏa thuận và nhận tiền của bị cáo Ung Minh T để lo “chạy án” cho P, T

không bị bắt giam.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với kết luận giám định, lời khai bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số: 33/CT-VKSQNG-P1 ngày 07/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Về phần dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố trình bày luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị tuyên xử bị cáo tù 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật

Bị cáo không tranh luận về tội danh và khung hình phạt đối với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo Quyết định số: 10/2025/HSST-QĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2025 để xem xét những tình tiết mới mà không thể bổ sung tại phiên tòa được. Tuy nhiên, Viện kiểm sát vẫn không thay đổi nội dung bản cáo trạng số 33/CT-VKSQNG –P1 ngày 07 tháng 5 năm 2025. Theo Điều 298 của Bộ luật Tố tụng Hình sự quy định về giới hạn của việc xét xử thì Tòa án chỉ xét xử bị cáo Ung Minh T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Ung Minh T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của hành vi do mình gây ra. Bị cáo đã đưa ra các thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng và Nguyễn Thị Thúy P số tiền 15.500.000 đồng; hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ; hành vi đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện tác động gia đình khắc phục thiệt hại cho bị hại, được bị hại có đơn xin bãi nại phần dân sự và giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản 02 lần, đây là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và một tình tiết tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng có 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, có nhân thân xấu nên cần buộc bị cáo chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ một thời gian mới đủ tác dụng răn đe và giáo dục bị cáo quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự.

[4] Về phần dân sự: Bị cáo tự nguyện tác động gia đình khắc phục thiệt hại cho bị hại, được bị hại Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Thúy P có đơn xin bãi nại phần dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt. Không có yêu cầu gì khác nên không xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vật chứng là 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu trắng vàng kim, màn hình màu đen, bị vỡ mặt kính và bị bung màn hình điện thoại, không gắn sim thuê bao của bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; không còn giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về trách nhiệm của những người liên quan:

- Đối với Nguyễn Thanh P: Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định khởi tố vụ án số 95/QĐ-CSMT, khởi tố bị

can số 208/QĐ-CSMT và Lệnh tạm giam số 141/QĐ-CSMT đối với P về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tuyên phạt Nguyễn Thanh Phi 15 năm tù về tội danh nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 26/11/2024.

- Đối với Trần Thị Mỹ T: Ngày 10/4/2024, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 02/QĐ-XPHC đối với Trần Thị Mỹ T, về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Đối với ông Đoàn Ngọc S: Qua điều tra, không có căn cứ xác định ông Đoàn Ngọc S đồng phạm với bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; không có căn cứ xác định ông S có hành vi xâm phạm hoạt động tư pháp nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét xử lý.

- Đối với Phạm Thị H: Phạm Thị H có mặt tại nhà bà T khi bị cáo trao đổi với gia đình bà T về việc “chạy án”, nhìn thấy việc ông Phạm Duy T đưa tiền cho bị cáo. Tuy nhiên, H không tham gia bàn bạc, thỏa thuận, ăn chia số tiền “chạy án” mà bị cáo đã nhận; bị cáo cũng không trao đổi, chia sẻ thông tin về việc này cho H. Do đó, không có căn cứ xác định Phạm Thị H đồng phạm với bị cáo Ung Minh T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với ông Ung Minh C: Là chủ sim thuê bao 0702.350.367. Vào tháng 12/2023 bị cáo Ung Minh T tháo sim và gắn vào điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu trắng vàng kim để nhắn tin, liên lạc với gia đình T, P trong quá trình “chạy án”. Quá trình Thảo lấy, sử dụng sim thuê bao ông C không biết nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi không xem xét xử lý.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, về mức hình phạt, xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố: Bị cáo Ung Minh T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Ung Minh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/01/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi, màu trắng vàng kim, màn hình màu đen, bị vỡ mặt kính và bị bung màn hình điện thoại, không gắn sim thuê bao, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa Cơ quan Điều tra và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Quảng Ngãi.

2. Về án phí: Bị cáo Ung Minh T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Khu vực 5 – Quảng Ngãi
- Trại tạm giam CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Quảng Ngãi;
- UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Chí Ngãi